



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN SINH LỚP 9 - TUẦN 12

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

- Câu 1:** Trong phân tử AND nucleotit loại T bắt cặp với nucleotit loại nào sau đây?
- A. T
 - B. A
 - C. G
 - D. X
- Câu 2:** 1 phân tử AND nhân đôi 4 lần tạo ra bao nhiêu phân tử AND con?
- A. 8
 - B. 16
 - C. 32
 - D. 64
- Câu 3:** 3 phân tử AND nhân đôi 2 lần tạo ra bao nhiêu phân tử AND con?
- A. 6
 - B. 12
 - C. 24
 - D. 48
- Câu 4:** Cho đoạn mạch đơn của AND có trình tự: - A - T - X - X - G - T - A -. Em hãy xác định trình tự nucleotit trên đoạn mạch đơn còn lại:
- A. - A - T - X - X - G - T - A -.
 - B. - A - G - X - X - G - T - A -.
 - C. - T - A - G - G - X - A - T -.
 - D. - T - A - X - G - X - A - T -.
- Câu 5:** Một phân tử ADN ở vi khuẩn gồm 3000 nuclêôtit có 900 nuclêôtit loại guanin. Theo lí thuyết, phân tử ADN này có bao nhiêu nuclêôtit loại adênin?
- A. 300
 - B. 600
 - C. 900
 - D. 1200
- Câu 6:** Một gen có 70 chu kỳ xoắn, số lượng nucleotit của gen đó là
- A. 700
 - B. 1400
 - C. 2100
 - D. 1800
- Câu 7:** Một phân tử AND có 320 nucleotit loại A, 250 nucleotit loại G. Số nucleotit loại T và X là:
- A. 320 và 250

B. 160 và 125

C. 250 và 320

D. 320 và 125

Câu 8: AND nhân đôi ở kì nào của quá trình phân bào?

A. Kì sau

B. Kì giữa.

C. Kì đầu .

D. Kì trung gian

Câu 9: Bản chất hoá học của gen là

A. Axit nucleic.

B. ADN.

C. Bazơ nitric.

D. Protein.

Câu 10: AND nhân đôi dựa trên nguyên tắc nào?

A. bổ sung và bán bảo toàn.

B. bổ sung và bắt cặp.

C. bắt cặp và đổi chỗ.

D. giữ lại 1 nửa và nhân đôi.

Câu 11: 4 loại đơn phân của AND có kí hiệu là?

A. A, T, X, C.

B. A, D, G, X.

C. A, T, G, X.

D. T, X, G, K

Câu 12. Chức năng của AND là:

A. mang thông tin di truyền

B. giúp trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường

C. truyền thông tin di truyền

D. mang và truyền thông tin di truyền

Chú ý: Học sinh làm bài gửi về link Azota GVBM gửi chậm nhất ngày 28/11/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN HÓA LỚP 9 - TUẦN 12

Câu 1 Dãy kim loại được sắp xếp theo chiều hoạt động hóa học giảm dần:

- A. Na , Mg , Zn B. Al , Zn , Na C. Mg , Al , Na D. Pb , Al , Mg

Câu 2 Dãy kim loại được sắp xếp theo chiều hoạt động hóa học tăng dần:

- A. K , Al , Mg , Cu , Fe B. Cu , Fe , Mg , Al , K
C. Cu , Fe , Al , Mg , K D. K , Cu , Al , Mg , Fe

Câu 3 Từ Cu và hoá chất nào dưới đây để điều chế được CuSO_4 ?

- A. MgSO_4 B. $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$ C. H_2SO_4 loãng D. H_2SO_4 đặc, nóng

Câu 4: Dãy kim loại tác dụng được với $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$ là:

- A. Mg; Al; Zn; Fe. B. K; Mg; Al; Zn. C. K; Al; Zn; Cu. D. Mg; Al; Cu; Ag.

Câu 5: Cho lá đồng vào dung dịch AgNO_3 , sau một thời gian lấy lá đồng ra cân lại khối lượng lá đồng thay đổi như thế nào

- A. Tăng so với ban đầu B. Giảm so với ban đầu
C. Không tăng , không giảm so với ban đầu D. Giảm một nửa so với ban đầu

Câu 6: Kim loại sắt có thể tác dụng được với dung dịch muối nào sau đây

- A. CuSO_4 . B. ZnSO_4 C. Na_2SO_4 . D. MgSO_4

Câu 7: Dung dịch ZnSO_4 có lẫn CuSO_4 và $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$. Dùng kim loại nào sau đây để làm sạch dung dịch ZnSO_4 ?

- A. Zn B. Fe và Cu C. Na D. Zn và Cu

Câu 8: Cho 5,6 gam Fe tác dụng 100 ml dung dịch HCL 1M. Thể tích khí H_2 thu được (đktc) là:

- A. 1,12 lít B. 2,24 lít C. 22,4 lít D. 1 lít

Câu 9: Đốt sắt trong khí oxi thu được oxit sắt từ. Công thức hóa học của oxit sắt từ là:

- A. FeO. B. Fe_2O_3 . C. Fe_3O_4 . D. Fe

Câu 10: Dãy kim loại nào sau đây tác dụng được với dung dịch HCl để giải phóng khí hidro:

- A. Mg, Fe, Zn, Cu B. Al, Fe, Zn, Mg C. Ag, Al, Fe, Zn D. Hg, Fe, Mg, Zn

Chú ý: Học sinh làm bài gửi về link Azota GVBM gửi chậm nhất ngày 28/11/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐÔNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN VẬT LÝ 9 – TUẦN 12

Đọc kĩ câu hỏi và lựa chọn đáp án đúng nhất trong 4 đáp án A, B, C, D mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu 1: Phát biểu nào sau đây về nam châm là đúng:

- A. Nam châm hút sắt nhưng sắt không hút nam châm.
- B. Trái đất là 1 nam châm mà cực từ Nam nằm ở gần cực Bắc địa lý.
- C. Khi đặt cực từ của 2 nam châm ở gần nhau chúng hút nhau.
- D. Khi đưa cực từ của 1 thanh nam châm đến gần đầu 1 kim nam châm, đầu kim nam châm chuyển động quay ra xa cực từ của thanh nam châm.

Câu 2: Lực tác dụng nào sau đây **không phải** là lực từ?

- A. Lực hút của thanh nam châm lên viên bi sắt đặt gần cực từ của nó.
- B. Lực do dòng điện tác dụng làm quay kim nam châm đặt gần nó.
- C. Lực do trái đất tác dụng lên kim nam châm khiến kim nam châm quay về hướng Bắc – Nam.
- D. Lực do trái đất hút kim nam châm về phía mặt đất khi thả rơi kim nam châm.

Câu 3: Khi đưa 1 sợi dây kim loại lại gần 1 kim nam châm, trường hợp nào sau đây **không làm** lệch hướng của kim nam châm?

- A. Dây thép không có dòng điện chạy qua.
- B. Dây thép có dòng điện chạy qua.
- C. Dây đồng không có dòng điện chạy qua.
- D. Dây đồng có dòng điện chạy qua.

Câu 4: Câu nào nói về nam châm là đúng:

- A. Nam châm luôn có 2 cực là cực dương và cực âm.
- B. Nam châm luôn có 2 cực là cực Bắc và cực Nam.
- C. Khi bẻ gãy 1 nam châm thì có thể tách riêng được 2 cực của nam châm.
- D. Phát biểu A, B, C đều đúng.

Câu 5: Trên thanh nam châm chỗ nào hút sắt mạnh nhất?

- A. Cực dương của nam châm.
- B. Phần giữa của nam châm.
- C. Cả 2 cực của nam châm.
- D. Cả cực dương và cực âm của nam châm.

Câu 6: La bàn là dụng cụ:

- A. Xác định độ cao.
- B. Xác định hướng Bắc – Nam.
- C. Xác định nhiệt độ.
- D. Xác định chiều chuyển động của các vật.



Câu 7: Loại nam châm nào được dùng làm la bàn?

- A. Nam châm thẳng (thanh nam châm). B. Nam châm chữ U.
C. Kim nam châm. D. Nam châm điện.

Câu 8: Khi đưa 2 cực cùng tên của 2 nam châm khác nhau lại gần nhau, thì chúng:

- A. Đẩy nhau. B. Hút nhau.
C. Không hút, không đẩy. D. Lúc hút, lúc đẩy.

Câu 9: So với nam châm vĩnh cửu thì nam châm điện

- A. Có thể tạo ra từ trường mạnh hơn rất nhiều lần.
B. Có thể làm nhiễm từ mọi kim loại mà nam châm vĩnh cửu không làm được.
C. Có thể hút được các vật bằng nhôm mà nam châm vĩnh cửu không hút được.
D. Có thể tạo ra từ trường đi xuyên qua các tấm bìa dày mà nam châm vĩnh cửu không làm được.

Câu 10: (21.6 – BTVL 9) Trên thanh nam châm chỗ nào hút sắt mạnh nhất?

- A. Phần giữa của thanh. B. Chỉ từ cực Bắc.
C. Cả 2 từ cực. D. Mọi chỗ đều hút sắt mạnh như nhau.

Câu 11: Vật nào sau đây không tạo ra trong không gian xung quanh nó 1 từ trường?

- A. Thanh nam châm. B. Thanh sắt.
C. Dây dẫn có dòng điện chạy qua. D. Kim nam châm.

Câu 12: Con người nhận biết được trong 1 không gian có từ trường hay không là nhờ:

- A. Khứ giác. B. Vị giác.
C. Thính giác. D. Nam châm thử (Kim nam châm).

Câu 13: Người ta quan sát được từ trường của 1 nam châm, của 1 dòng điện là nhờ:

- A. Từ phổ. B. Đồ thị. C. Kim nam châm. D. La bàn.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về các từ cực của ống dây có dòng điện chạy qua?

- A. Đầu có các đường sức từ đi ra là cực Bắc, đầu còn lại là cực Nam.
B. Đầu có các đường sức từ đi vào là cực Bắc, đầu còn lại là cực Nam.
C. Hai đầu của ống dây đều là cực Bắc.
D. Hai đầu của ống dây đều là cực Nam.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Chỉ duy nhất có nam châm là gây ra được từ trường.
B. Chỉ duy nhất có dòng điện mới sinh ra được từ trường.
C. Cả nam châm và dòng điện đều gây ra được từ trường trong không gian xung quanh nó.
D. Thanh nhôm không có dòng điện chạy qua cũng có thể gây ra từ trường xung quanh nó.

Câu 16: Câu nào đúng?

- A. Chỉ có lực do từ trường gây bởi nam châm vĩnh cửu tác dụng lên kim nam châm mới gọi là từ lực.
B. Chỉ có lực do từ trường gây bởi dòng điện 1 chiều chạy trong dây dẫn tác dụng lên nam châm thử mới gọi là từ lực.

C. Lực do từ trường gây bởi nam châm vĩnh cửu và dòng điện tác dụng lên kim nam châm (nam châm thử) đều gọi là từ lực.

D. Lực do từ trường gây bởi nam châm vĩnh cửu và dòng điện tác dụng lên kim nam châm (nam châm thử) gọi là điện lực.

Câu 17: (24.8 – BTVL9) Vì sao có thể coi ống dây có dòng điện 1 chiều chạy qua như 1 thanh nam châm thẳng?

A. Vì ống dây cũng tác dụng lực từ lên kim sắt.

B. Vì ống dây cũng tác dụng lực từ lên kim nam châm.

C. Vì ống dây cũng có 2 cực từ N, S giống như thanh nam châm thẳng.

D. Vì 1 kim nam châm đặt trong lòng ống dây cũng chịu tác dụng lực từ giống như khi đặt trong long nam châm.

Câu 18: Phát biểu nào *không đúng* ?

A. Qui ước chiều của đường sức từ là chiều đi từ cực nam tới cực bắc của kim nam châm khi đặt kim nam châm tại 1 điểm trên đường sức từ đó.

B. Qui ước chiều của đường sức từ là chiều đi từ cực bắc tới cực nam của kim nam châm khi đặt kim nam châm tại 1 điểm trên đường sức từ đó

C. Nam châm vĩnh cửu, nam châm điện thì đường sức từ có chiều : đi ra khỏi cực bắc, đi vào cực nam của nam châm.

D. Nam châm điện là 1 ống dây trong lòng có lõi sắt.

Câu 19 : các đường sức từ trong lòng ống dây có dòng điện 1 chiều đi qua có những đặc điểm gì?

A. Là những đường thẳng song song cách đều nhau và vuông góc với trục của ống dây.

B. Là những vòng tròn đồng trục, trục đó là trục của ống dây.

C. Là những đường thẳng song song cách đều nhau hướng từ cực Nam tới cực Bắc của ống dây.

D. Là những đường thẳng song song cách đều nhau hướng từ cực Bắc tới cực Nam của ống dây.

Câu 20: Từ trường không tồn tại ở đâu?

A. Xung quanh nam châm.

B. Xung quanh dòng điện.

C. Xung quanh trái đất.

D. Xung quanh điện tích đứng yên.

Chú ý: Học sinh làm bài gửi về link Azota GVBM gửi chậm nhất ngày 28/11/2021

